TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – QUẢNG NGÃI** Bản án số:39/2026/HS-ST Ngày: 24-3-2026.	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KHU VỰC 7 – QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đồng Thị Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Long và ông Đặng Văn Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Duyên – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Trần Viết Quyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 28/2026/TLST-HS, ngày 13/02/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2026/QĐXXST-HS ngày 27/02/2026 đối với các bị cáo:

1. Lâm Quốc V (tên gọi khác: Không), sinh ngày 20/01/2001 tại Quảng Ngãi; Nơi cư trú: Thôn K, xã N, tỉnh Quảng Ngãi; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; trình độ học vấn: 06/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Số định danh cá nhân: 062201002411 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về Trật tự xã hội – Bộ C cấp ngày 16/01/2024; con ông: Lâm Văn M, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị Ả, sinh năm 1970. Bị cáo chưa có vợ con. Tiền sự: không.

Tiền án: 01

Bản án số: 123/2020/HS-ST ngày 04/11/2020 của Tòa án nhân dân TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi) xử phạt Lâm Quốc V 03 năm 06 tháng tù về tội "Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi". Ngày 11/01/2024 chấp hành xong hình phạt tù *(chưa xóa án tích)*.

Nhân thân: Bản án số: 72/2017/HS-ST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum xử phạt Lâm Quốc V 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 11/7/2018 chấp hành xong hình phạt tù *(được coi là không có án tích)*.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/9/2025 đến nay có mặt tại phiên tòa.

2. **Võ Hoàng Gia H**, (tên gọi khác: Không), sinh ngày 16/3/2007 tại Quảng Ngãi; Nơi cư trú: Số G N, phường K, tỉnh Quảng Ngãi; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Không; Số định danh cá nhân: 062207001964 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về Trật tự xã hội – Bộ C cấp; con ông: Võ Đăng K, sinh năm 1985 và bà Hà Thị Thu D, sinh năm 1985. Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/9/2025 đến nay có mặt tại phiên tòa.

3. **Lê Duy S**, (tên gọi khác: Không), sinh ngày 01/10/2002 tại Quảng Ngãi; Nơi cư trú: 2 H, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Không; Số định danh cá nhân: 062202006004 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về Trật tự xã hội – Bộ C cấp ngày 10/05/2021; con ông: Lê Văn A (đã chết) và bà Trần Thị Cẩm V1, sinh năm 1971. Bị cáo chưa có vợ con. Tiền sự: không.

Tiền án: 02.

+ Bản án số: 58/2022/HS-ST ngày 23/6/2022 của Tòa án nhân dân TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum xử phạt Lê Duy S 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 03/9/2022 chấp hành xong hình phạt tù *(chưa xóa án tích)*, nhưng đã áp dụng để truy tố xét xử bản án số 07/2023/HS-ST ngày 28/12/2023.

+ Bản án số: 07/2023/HS-ST ngày 28/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam xử phạt Lê Duy S 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 19/02/2024 chấp hành xong hình phạt tù *(chưa xóa án tích)*.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/9/2025 đến nay có mặt tại phiên tòa.

4. **Lê Chí K1**, (tên gọi khác: Không), sinh ngày 14/10/2009 tại Quảng Ngãi; Nơi cư trú: Thôn P, xã N, tỉnh Quảng Ngãi; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; trình độ học vấn: 08/12; Nghề nghiệp: Không; Số định danh cá nhân: 062209001972 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về Trật tự xã hội – Bộ C cấp; con ông: Lê Cao S1, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị Anh H1, sinh năm 1970. Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

+ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 57 ngày 07/12/2023 của Công an T1, tỉnh Kon Tum đối với Lê Chí K1 về hành vi "Trộm cắp tài sản" bằng hình thức cảnh cáo *(được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính)*.

+ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 58 ngày 11/12/2023 của Công an T1, tỉnh Kon Tum đối với Lê Chí K1 về hành vi "Trộm cắp tài sản" bằng hình thức cảnh cáo *(được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính)*.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/9/2025 đến nay có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo K1: Bà Nguyễn Thị Anh H1 (mẹ ruột), ông Lê Cao S1 (bố ruột), trú tại:Thôn P, xã N, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Thúy H2 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm T2 tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

- *Bị hại:* Chị Trịnh Thị Bích V2, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn P, xã N, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Nguyễn Phước H3, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số G L, phường K, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

2. Chị Lê Thị Kim X, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn K, phường K, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

3. Anh Lê Quang N, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số C T, phường K, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

4. Bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1971, địa chỉ: E T, phường K, Quảng Ngãi.Vắng mặt.

- *Đại diện Đoàn thanh niên xã N, tỉnh Quảng Ngãi.* Vắng mặt.

- *Người làm công tác xã hội:* Ông Trịnh Lê V3 – Trưởng phòng văn hoá xã hội xã N. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 15/9/2025, khi Lâm Quốc V đang điều khiển xe ô tô biển số 82A-038.48 chở Lê Duy S, Võ Hoàng Gia H thì S gọi điện thoại qua ứng dụng Messenger cho Lê Chí K1 rủ K1 đi Q chơi thì K1 đồng ý đi. Đến khoảng 13 giờ 00 cùng ngày, V điều khiển xe ô tô biển số 82A-038.48 chở S, H đi đến nhà K1 tại thôn P, xã N, tỉnh Quảng Ngãi để chở K1. K1 lên xe thì S rủ và nói với cả nhóm "đi Cướp tài sản" sau khi cướp được tài sản xong sẽ dùng số tiền, tài sản cướp được để trả tiền thuê xe và đi Quy Nhơn ăn chơi thì V, K1, H đồng ý. Cả nhóm bàn với nhau đợi đến tối sẽ đi tìm các cặp đôi hẹn hò chỗ tối, vắng vẻ để dùng dao khống chế, đe dọa để nạn nhân sợ và giao tài sản. Đến khoảng 16 giờ 00 phút cùng ngày H mệt nên về nhà để ngủ một lúc. Đến khoảng 18 giờ cùng

ngày V chở S, K1 qua nhà H để gọi H đi Cướp tài sản như đã bàn bạc từ trước. Đến nhà H thì S nói với K1 là "vào nhà gọi H ra để đi" (có nghĩa là cùng nhau đi cướp), V nói với K1 là: "nói H cầm theo 02 (hai) con dao thái". Sau đó K1 vào nhà gọi H đi và nói H cầm theo 02 con dao thái lan (nhằm mục đích để đe dọa Cướp tài sản). Nghe vậy, H cầm từ trong nhà ra 01 (một) Con dao thái *(dài 21.5 cm; lưỡi dao bằng kim loại dài 11.1 cm, có 1 cạnh sắc, mũi nhọn; cán dao bằng nhựa, màu vàng dài 10.4cm)* và 01 (một) con dao rựa *(dài 59,3 cm; lưỡi dao bằng kim loại dài 29.3 cm, có 1 cạnh sắc; cán dao bằng gỗ dài 30 cm)*. Sau đó, V điều khiển xe ô tô chở H, S và K1 đi quanh khu hành chính công AB phường Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi để tìm kiếm nạn nhân. Khi cả nhóm đi đến đoạn đường vắng, hai bên là lô cao su, thuộc thôn Đ, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi thì S thấy có một đôi nam nữ là bà Trịnh Thị Bích V2 và ông Nguyễn Phước H3 đi xe vào trong lô cao su bên đường nên S nói V điều khiển xe quay lại chỗ cặp đôi này. V dừng xe lại, S cầm 01 con dao rựa, H cầm 01 con dao thái xuống xe còn V, K1 điều khiển xe đi lên khoảng 500m thì dừng xe để cảnh giới. H, S đi vào lô cao su thì phát hiện H3, V2 đang ngồi tâm sự cách đường khoảng 50m nên H, S đã lén lút bò đến chỗ xe mô tô của V2. S mở cốp xe mô tô (cốp xe không đóng) mò tay vào thì lấy được 01 túi xách cầm trên tay. Lúc này, V2 phát hiện nên chạy đến tay cầm túi xách giành lại và tri hô. Thấy vậy, H cầm dao thái lan dí vào bụng V2 yêu cầu V2 im lặng. Thấy H, S cầm dao V2 hoảng sợ không giành lại túi nữa mà quỳ xuống van xin S, H tha cho đi. Lúc này, K1, V đứng ngoài cảnh giới không thấy có ai nên đi bộ vào, S hỏi V và K1 có biết V2 và H3 không thì K1 nói V2 ở gần nhà của K1. Lúc này, lô cao su bên cạnh có ánh đèn của người dân đi cạo mủ nên S nói V đi lấy xe ô tô. S, H cầm dao uy hiếp để yêu cầu V2, H3 đi ra ngoài đường, K1 dắt xe mô tô của V2 ra ngoài đường. Đến lề đường, H, S và K1 tiếp tục cầm dao và có lời nói uy hiếp V2 để tiếp tục tìm kiếm tài sản trên người, trong xe nhưng không lấy được tài sản gì. Lúc này, V đi xe ô tô đến, S ném túi xách bên trong có số tiền 14.500.000 (mười bốn triệu năm trăm nghìn) đồng đã lấy của V2 vào ghế trước bên phụ rồi có lời nói uy hiếp V2 không được la lớn, không được nói việc bị cướp tài sản với ai. Sau đó, cả nhóm lên xe ô tô, V2 điều khiển xe mô tô rời đi. Khi vừa lên xe S nhớ ra việc V2 có vàng trên người, S nói: "Bà này còn vàng chạy theo lấy", H liền nói: "chặn bà lại để e lấy cho" thì V điều khiển xe ô tô đuổi theo và ép V2 dừng lại. H xuống xe rồi ngồi ở phía sau xe mô tô của V2, đe dọa yêu cầu V2 đưa sợi dây chuyền vàng trên cổ, V2 hoảng sợ không tháo được sợi dây chuyền nên H dùng tay giật sợi dây chuyền vàng trên cổ bà V2 ra. Lấy được sợi dây chuyền vàng H yêu cầu V2 chở H ra đoạn đường tối gần khu vực hành chính công thì dừng lại *(lúc này xe ô tô do V điều khiển đi phía sau)*. H xuống xe và cho V2 rời đi. H lên xe ô tô đưa sợi dây chuyền vàng cho cả nhóm xem thì V điều khiển xe ô tô đến tiệm V5 địa chỉ tại: A L, phường K, tỉnh Quảng Ngãi để bán vàng. V và S vào tiệm V5 thì gặp chị Lê Thị Kim X V nói với X là:

“có sợi dây chuyền mua từ lâu, nay cần tiền nên bán” tin tưởng lời V nói nên X đồng ý mua sợi dây chuyền vàng với số tiền 20.580.000 (hai mươi triệu năm trăm tám mươi nghìn) đồng.

Sau khi cướp được tổng số tiền là 35.080.000 đồng (bao gồm: tiền mặt trong ví: 14.500.000 đồng, tiền bán vàng: 20.580.000 đồng) thì V giữ số tiền 30.000.000 đồng và đưa S giữ số tiền 5.080.000 đồng.

Đối với số tiền 30.000.000 đồng V đến tiệm Đ, địa chỉ: C đường T, phường K, tỉnh Quảng Ngãi gặp anh Lê Quang N và mua một điện thoại di động, nhãn hiệu iPhone 12 Pro Max, màu xám với số tiền 12.600.000 đồng. Sau đó dùng số tiền 1.400.000 đồng để đăng ký mạng cho chiếc điện thoại di động.

Đối với số tiền 5.080.000 đồng S đã đưa cho H 100.000 đồng để nạp tiền điện thoại, đổ xăng cho xe ô tô biển số 82A-038.48 số tiền 500.000 đồng và tiêu xài cá nhân số tiền 2.480.000 đồng.

Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, khi V, S, H, K1 đang cùng nhau ăn tối tại ngã tư P + P thuộc phường K, tỉnh Quảng Ngãi thì bị Cơ quan Công an mời về trụ sở làm việc. Sau đó, V, S, H, K1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Kết luận giám định số: 1993/KL-KLHS ngày 28/10/2025 của Phân viện KHHS tại TP . kết luận: 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại, màu vàng, dài 48cm (dạng mắt xích trúc, đã bị đứt) gửi giám định có kim loại vàng (A); hàm lượng của kim loại vàng là 98,0%; khối lượng mẫu là 7,28gam.

Kết luận định giá tài sản số: 03/KL-HĐĐGTS ngày 21/01/2026 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên cấp tỉnh trong tố tụng hình sự - UBND tỉnh Q kết luận: 01 (Một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, có hàm lượng của kim loại vàng là 98,0%; khối lượng mẫu là 7,28gam, dài 48cm (dạng mắt xích trúc, đã bị đứt). Có giá trị tài sản tại thời điểm ngày 15/9/2025 là: **24.634.761** (hai mươi bốn triệu sáu trăm ba mươi tư nghìn bảy trăm sáu mốt) đồng.

Tại bản kết luận số: 1702/KL-KLHS ngày 10/12/2025 của Phòng K2 - Công an tỉnh Q kết luận như sau:

- 01 (Một) Con dao rựa dài 59,3 cm; lưỡi dao bằng kim loại dài 29.3 cm, có 1 cạnh sắc; cán dao bằng gỗ dài 30 cm trên cán dao có một khuy kim loại dài 8.5cm gửi giám định là dao sắc, nhọn thuộc Phụ lục 5 “danh mục dao có tính sát thương cao” theo Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ C.

- 01 (Một) Con dao sắc nhọn dài 21.5 cm; lưỡi dao bằng kim loại dài 11.1 cm, có 1 cạnh sắc, mũi nhọn; cán dao bằng nhựa, màu vàng dài 10.4 cm gửi giám định là dao sắc, nhọn không thuộc Phụ lục 5 “danh mục dao có tính sát thương cao” theo Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ C.

Tại bản Cáo trạng số 60/CT-VKS-KV7 ngày 12/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7, truy tố bị cáo Lâm Quốc V về tội *“Cướp tài sản”* theo quy định tại điểm d,h khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự. Truy tố các bị cáo Võ Hoàng

Gia H, Lê Duy S và Lê Chí K1 về tội *"Cướp tài sản"* theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Lâm Quốc V, Võ Hoàng Gia H, Lê Duy S và Lê Chí K1 phạm tội "*Cướp tài sản*" :

- Áp dụng điểm d, h khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Lâm Quốc V từ 08 năm tù đến 09 năm tù.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h, o khoản 1 Điều 52 Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Lê Duy S từ 08 năm tù đến 09 năm tù.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Võ Hoàng Gia H từ 07 năm tù đến 08 năm tù.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 38 Bộ luật Hình sự, Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên đề nghị xử phạt bị cáo Lê Chí K1 từ 33 tháng tù đến 38 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại TrịnhThị Bích Vân yêu cầu Lê Duy S, Lê Chí K1, Lâm Quốc V, Võ Hoàng Gia H bồi thường số tiền 14.500.000 (mười bốn triệu năm trăm nghìn) đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Kim X yêu cầu Lê Duy S, Lê Chí K1, Lâm Quốc V, Võ Hoàng Gia H bồi thường số tiền 20.580.000 (hai mươi triệu năm trăm tám mươi nghìn) đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

Về vật chứng: *Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Q đã tiến hành xử lý các vật chứng như sau:*

+ Trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Trịnh Thị Bích V2 01 (Một) sợi dây chuyền bằng kim loại, màu vàng, dài 48cm (dạng mắt xích trúc, đã bị đứt).

+ Trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Trần Thị Kim L 01 (Một) xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, số loại Fortuner, màu xám biển số 82A – 038.48, số máy 2KD6464344, số khung RL4ZR69G6A4002881 (Đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng và chất lượng); 01 (Một) giấy chứng nhận kiểm định số No:DC 0588244; 01 (Một) giấy đăng kí xe ô tô biển số 82A – 038.48 (Bản phô tô công chứng); 01 (Một) giấy chứng nhận điện tử bảo hiểm xe ô tô số: 250210807.

+ Trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là Lê Quang N 01 (Một) điện thoại di động, nhãn hiệu iPhone 12 Pro Max, màu xám, màn hình cảm ứng, có số IMEI 354419338092434 (Đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng và chất lượng).

Các vật chứng đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp đúng theo quy định đề nghị HĐXX không xem xét lại.

+ Đối với vật chứng là tiền phong toà tài khoản của V đề nghị tiếp tục phong toà để đảm bảo thi hành án,

+ Số tiền thu được do các bị cáo nộp lại và số tiền phong toả đề nghị chia mức bồi thường theo sự thoả thuận của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các bị cáo. Tại phiên toà bị cáo S, V tự nguyện bồi thường cho chị V2 số tiền còn thiếu và chị V2 cũng đồng ý, đối với chị X sẽ được nhận lại đủ số tiền đang được phong toà và thu giữ tiền mặt vật chứng, đề nghị HĐXX ghi nhận sự thoả thuận giữa bị cáo S, V và chị V2.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Đối với bị cáo K1 là trẻ em có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí cho bị cáo.

* *Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Lê Chí K1 trình bày:* Thống nhất lời luận tội của Đại diện VKSND khu vực 7, tuy nhiên mức án đề nghị HĐXX áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Áp dụng Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên, xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình theo như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 truy tố, không có ý kiến tranh luận với Viện kiểm sát và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát Điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp và người bào chữa cho bị cáo K1 không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp lời khai bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 15/9/2025 tại thôn Đ, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi, Lê Duy S, Lê Chí K1, Lâm Quốc V, Võ Hoàng Gia H cùng có hành vi dùng 01 Con dao thái *(dài 21.5 cm; lưỡi dao bằng kim loại dài 11.1 cm, có 1 cạnh sắc, mũi nhọn; cán dao bằng nhựa, màu vàng dài 10.4cm)* và 01 con dao rựa *(dài 59,3*

cm; lưỡi dao bằng kim loại dài 29.3 cm, có 1 cạnh sắc; cán dao bằng gỗ dài 30 cm) để đe dọa, cướp tài sản của chị Trần Thị Bích V4 với tổng giá trị tài sản đã bị cướp tại thời điểm chiếm đoạt là 39.134.761 (ba mươi chín triệu một trăm ba mươi bốn nghìn bảy trăm sáu mươi mốt) đồng *(bao gồm: Số tiền 14.500.000 (mười bốn triệu năm trăm nghìn) đồng và 01 sợi dây chuyền vàng có giá trị tài sản tại thời điểm chiếm đoạt là 24.634.761 (hai mươi bốn triệu sáu trăm ba mươi tư nghìn bảy trăm sáu mốt đồng)*. Hội đồng xét thấy, bị cáo Lâm Quốc V đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng chưa được xoá án tích mà tiếp tục thực hành vi phạm tội thuộc trường hợp "tái phạm nguy hiểm" là tình tiết định khung quy định tại điểm h khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự; mặt khác 02 con dao mà các bị cáo sử dụng đe doạ cướp tài sản được xem là "Vũ khí" quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự.

Do vậy, cáo trạng số 60/CT-VKS-KV7 ngày 12/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7, truy tố bị cáo Lâm Quốc V về tội *"Cướp tài sản"* theo quy định tại điểm d, h khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự. Truy tố các bị cáo Lê Duy S, Lê Chí K1, Võ Hoàng Gia H về tội *"Cướp tài sản"*theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của các bị cáo là rất nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, thể hiện ý thức xem thường pháp luật. Do đó, cần thiết áp dụng hình phạt tù cách ly đối với các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Lâm Quốc V, Võ Hoàng Gia H và Lê Chí K1 không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Đối với bị cáo Lê Duy S đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên thuộc trường hợp "Tái phạm", trong vụ án này bị cáo S là người xúi dục các bị cáo khác thực hành vi phạm tội, trong đó có bị K1 là người chưa thành niên nên bị cáo phải chịu thêm tình tiết tăng nặng "Xúi dục người dưới 18 tuổi phạm tội", do đó bị cáo S phải chịu hai tình tiết tăng nặng theo điểm h, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự áp dụng cho các bị cáo được hưởng khi lượng hình. Đối với bị cáo H, K1 tại phiên toà bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo H, bị cáo K1.

Về nhân thân: Các bị cáo Lâm Quốc V, Lê Duy S và Lê Chí K1 có nhân thân xấu. Bị cáo Võ Hoàng Gia H có nhân thân tốt.

[5] Xét tính chất mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo, HĐXX xét thấy: Các bị cáo Lâm Quốc V, Lê Duy S và Lê Chí K1 có nhân thân xấu; bị cáo S có hai tình tiết tăng nặng; bị cáo V có hai tình tiết định khung; bị cáo H, K1 có nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn bị cáo V, bị cáo S; mặt khác trong vụ án này các bị cáo thực hiện với vai trò đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo S là người rủ rê, trực tiếp thực hiện, bị cáo H là người thực hiện hành vi tích cực, bị cáo V, K1 là người giúp sức. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo với mức án tương xứng với hành vi phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng; đó đó xử phạt bị cáo V mức án cao hơn vì có 02 tình tiết định khung hình phạt, đến bị cáo S, bị cáo H, cuối cùng bị cáo K1.

Đối với bị cáo Lê Chí K1 khi phạm tội là người chưa thành niên (15 tuổi 11 tháng 01 ngày), nhưng bị cáo có nhân thân xấu, đại diện hợp pháp của bị cáo khai không quản lý được bị cáo, vì vậy không đủ điều kiện áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng, nên HĐXX sẽ áp dụng các quy định tại khoản 3 Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên khi lượng hình đối với bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản, nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng: *Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Q đã tiến hành xử lý các vật chứng như sau:* Trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Trịnh Thị Bích V2 01 (Một) sợi dây chuyền bằng kim loại, màu vàng, dài 48cm (dạng mắt xích trúc, đã bị đứt). Trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Trần Thị Kim L 01 (Một) xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, số loại Fortuner, màu xám biển số 82A – 038.48, số máy 2KD6464344, số khung RL4ZR69G6A4002881 (Đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng và chất lượng); 01 (Một) giấy chứng nhận kiểm định số No:DC 0588244; 01 (Một) giấy đăng kí xe ô tô biển số 82A – 038.48 (Bản phô tô công chứng); 01 (Một) giấy chứng nhận điện tử bảo hiểm xe ô tô số: 250210807. Trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là Lê Quang N 01 (Một) điện thoại di động, nhãn hiệu iPhone 12 Pro Max, màu xám, màn hình cảm ứng, có số IMEI 354419338092434 (Đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng và chất lượng). Tất cả đều phù hợp nên HĐXX không xem xét.

- Đối với số tiền 18.600.000 đồng (mười tám triệu sáu trăm nghìn) đồng. Bao gồm: Thu giữ của Lê Duy S số tiền: 2.000.000 (hai triệu) đồng; Thu giữ của Lâm Quốc V số tiền: 4.000.000 (bốn triệu) đồng; Lê Quang N tự nguyện giao nộp số tiền 12.600.000 (mười hai triệu sáu trăm nghìn) đồng và số tiền 12.000.000 đồng được phong tỏa trong tài khoản ngân hàng số 9975646891 mang tên Lâm Quốc

V, mở tại Ngân hàng TMCP N1 - Chi nhánh K3 *(đây là số tiền còn lại sau khi Lâm Quốc V nhận tiền chuyển khoản bán sợi dây chuyền vàng cướp được vào tối ngày 15/9/2025)*.

Xét thấy, quá trình điều tra thu giữ được tiền mặt và tiền phong toả tài khoản của V là 30.600.000đ, tại phiên toà chị V2 và chị X thoả thuận với nhau, trả lại cho chị X là 20.580.000đ, trả lại cho chị V2 số tiền còn lại 10.020.000 đồng.

- Đối với: 01 (Một) Con dao rựa dài 59,3 cm; lưỡi dao bằng kim loại dài 29.3 cm, có 1 cạnh sắc; cán dao bằng gỗ dài 30 cm trên cán dao có một khuy kim loại dài 8.5cm, 01 (Một) Con dao sắc nhọn dài 21.5 cm; lưỡi dao bằng kim loại dài 11.1 cm, có 1 cạnh sắc, mũi nhọn; cán dao bằng nhựa, màu vàng dài 10.4 cm. Đây là công cụ phạm tội và không còn giá trị sử dụng nên tuyên tịch thu tiêu hủy.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên toà bị hại Trịnh Thị Bích V2 yêu cầu Lê Duy S, Lê Chí K1, Lâm Quốc V, Võ Hoàng Gia H bồi thường số tiền Số tiền còn thiếu của chị V2 là 4.480.000đ. Các bị cáo V, S, cũng như chị V2 thoả thuận bồi thường số tiền còn thiếu của chị V2 là 4.480.000đ, với mức bồi thường như sau: Bị S tự nguyên bồi thường số tiền 3.000.000đ cho chị V2, bị cáo V bồi thường cho chị V2 1.480.000đ, việc thoả thuận của các bên là tự nguyện, không trái quy định pháp luật nên HĐXX ghi nhận.

Các bị cáo khác không có ý kiến gì về số tiền bồi thường này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Kim X được nhận lại số tiền từ vật chứng nên không yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[9] Về án phí hình sự và dân sự sơ thẩm: Các bị cáo, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, đối với bị cáo K1 là người dưới 16 tuổi có đơn xin miễn án phí nên HĐXX miễn án phí cho bị cáo K1 theo quy định pháp luật.

Bị cáo S, bị cáo V mỗi bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lâm Quốc V, Võ Hoàng Gia H, Lê Duy S, Lê Chí K1 phạm tội "*Cướp tài sản*".

- Áp dụng điểm d, h khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Xử phạt: Bị cáo Lâm Quốc V 08 (Tám) năm 06 (S2) tháng tù.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h, o khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Xử phạt: Bị cáo Lê Duy S 08 (T) năm tù.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Xử phạt: Bị cáo Võ Hoàng Gia H 07 (Bảy) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; khoản 3 Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên.

Xử phạt: Bị cáo Lê Chí K1 33 (Ba mươi ba) tháng tù.

- Thời hạn tù của các bị cáo Lâm Quốc V, Võ Hoàng Gia H, Lê Duy S, Lê Chí K1 được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 16/9/2025.

2. Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025. Tổng số tiền vật chứng thu được là 30.600.000đ (Ba mươi triệu, sáu trăm ngàn đồng), ghi nhận sự thoả thuận về việc trả lại tiền là vật chứng của vụ án như sau:

- Trả lại cho chị Trịnh Thị Bích V2 số tiền 10.020.000đ (*Mười triệu, không trăm hai mươi nghìn đồng).*

- Trả lại cho chị Lê Thị Kim X số tiền 20.580.000đ (*Hai mươi triệu, năm trăm tám mươi ngàn đồng*).

Tất cả số tiền trên theo uỷ nhiệm chi ngày 10/3/2026 của cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q là 18.600.000đ, đơn vị nhận tiền Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi (KV7), số tài khoản thụ hưởng 3949.0.1054192.00000; thu giữ trong tài khoản của Lâm Quốc V 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*).

- Về phong tỏa tài khoản**:** Áp dụng các Điều 129 và 130 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2025.

Tiếp tục phong tỏa tài khoản 9975646891, tại Ngân hàng TMCP N1 – Chi nhánh K3, tài khoản mang tên Lâm Quốc V để đảm bảo thi hành án (Theo Lệnh phong tỏa tài khoản số C159/LPT-CSHS-D3 ngày 26/01/2026 của Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Q). Tại thời điểm phong toả trong tài khoản có số tiền 12.000.000đ *(Mười hai triệu đồng).*

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) Con dao rựa dài 59,3 cm; lưỡi dao bằng kim loại dài 29.3 cm, có 1 cạnh sắc; cán dao bằng gỗ dài 30 cm trên cán dao có một khuy kim loại dài 8.5cm, 01 (Một) Con dao sắc nhọn dài 21.5 cm; lưỡi dao bằng kim loại dài 11.1 cm, có 1 cạnh sắc, mũi nhọn; cán dao bằng nhựa, màu vàng dài 10.4 cm.

Tất cả các vật chứng nêu trên đều có đặc điểm như trong Biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 10 tháng 3 năm 2026 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q với Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Quảng Ngãi.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 584, 585 và 586 Bộ luật dân sự năm 2015. Công nhận sự tự nguyện bồi thường của các bị cáo như sau:

Buộc bị cáo Lê Duy S bồi thường cho chị Trịnh Thị Bích V2 với số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*); bị cáo Lâm Quốc V 1.480.000đ bồi thường cho chị Trịnh Thị Bích V2 .

Kể từ ngày người yêu cầu có đơn yêu cầu thi hành án, mà các bị cáo không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng các bị cáo còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2025. Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 21; Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án.

Buộc các bị cáo Lâm Quốc V, Võ Hoàng Gia H, Lê Duy S, Lê Chí K1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lê Chí K1.

Bị cáo S, bị cáo V mỗi bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*).

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24/3/2026) bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án. Những người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND KV7;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh QN;
- Phòng Thi hành án dân sự KV7;.
- Bị cáo; Lưu HSVA;
- Những người tham gia TT khác;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đồng Thị Bình